

NGOẠI NGỮ VỚI BAN NGỮ

MỘT SỐ NGUYÊN TẮC VỀ LOẠI HÌNH NGÔN BẢN TRONG THIẾT KẾ BÀI TẬP CHUYÊN NGỮ CHỨC NĂNG TIẾNG ĐỨC

PHẠM THỊ THANH TÚ*

TÓM TẮT: *Chuyển ngữ chức năng (mediation)* là một trong bốn hoạt động giao tiếp được miêu tả trong Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ (CEFR) do Hội đồng châu Âu ban hành năm 2001. Tại Việt Nam, khái niệm *chuyển ngữ chức năng* lần đầu tiên xuất hiện trong một văn bản mang tên Nội dung dạy học môn Tiếng Đức dành cho lớp chuyên do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2022. *Chuyển ngữ chức năng* là đề tài khá mới mẻ, có thể khai thác nhằm mục tiêu cải tiến sư phạm ngoại ngữ ở Việt Nam trong thời kì toàn cầu hóa. Dựa trên các lí thuyết giảng dạy ngoại ngữ của CEFR, lí thuyết thể loại ngôn bản của Reiß và ngữ liệu một số giáo trình tiếng Đức hiện hành, nghiên cứu này đưa ra một số nguyên tắc quan trọng đối với loại hình ngôn bản trong việc thiết kế bài tập chuyển ngữ chức năng tiếng Đức.

TỪ KHOẢ: CEFR; sư phạm ngoại ngữ; chuyển ngữ chức năng; loại hình ngôn bản.

NHẬN BÀI: 29/04/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 16/07/2025

1. Đặt vấn đề

Năm 2001, Hội đồng châu Âu ban hành Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ (CEFR-Common European Framework of Reference for Languages), trở thành kim chỉ nam quan trọng đối với các hoạt động giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá ngoại ngữ ở các nước châu Âu. CEFR có ảnh hưởng mạnh mẽ trên phạm vi quốc tế và được nhiều quốc gia tham khảo, trong đó có Việt Nam. Ngày 24/01/2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN) theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT, trong đó ngay tại trang đầu tiên đã nêu rõ: “KNLNNVN được phát triển trên cơ sở tham chiếu, ứng dụng CEFR và một số khung trình độ tiếng Anh của các nước, kết hợp với tình hình, và điều kiện thực tế dạy, học và sử dụng ngoại ngữ ở Việt Nam.”.

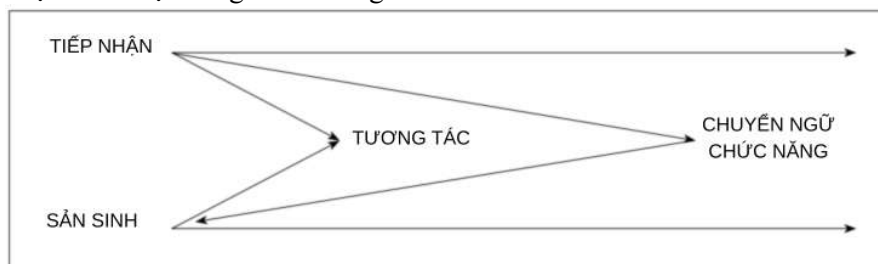
Bên cạnh những điểm chung giữa CEFR và KNLNNVN, điển hình như các mô tả yêu cầu cần đạt đối với việc phát triển kĩ năng tiếp nhận (nghe, đọc), kĩ năng tương tác (nói, viết tương tác) và kĩ năng sản sinh (nói, viết sản sinh), thì một trong những định hướng rất quan trọng trong giảng dạy ngoại ngữ của CEFR - đó là hoạt động chuyển ngữ chức năng (*mediation*) - lại chưa hề xuất hiện trong KNLNNVN. Mãi đến năm 2022, trong Nội dung dạy học môn Tiếng Đức dành cho lớp chuyên được ban hành theo Công văn số 4171/BGDĐT-GDTrH ngày 26/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chuyển ngữ chức năng (bên cạnh Nghe, Nói, Đọc, Viết) đã trở thành một trong năm chuyên đề chuyên sâu của chương trình giáo dục môn tiếng Đức dành cho các trường THPT chuyên, chiếm tỉ trọng là 75 tiết/ 315 tiết (~24%) trong tổng thời lượng dành cho nội dung Chuyên sâu. Tại châu Âu, chuyển ngữ chức năng đã trở thành đề tài nghiên cứu phổ biến, được đưa vào áp dụng rộng rãi trong giảng dạy, thi cử và kiểm tra đánh giá các môn ngoại ngữ trong nhà trường. Tại Việt Nam, chuyển ngữ chức năng đang bước đầu được quan tâm và đưa vào giảng dạy ngoại ngữ, là đề tài tiềm năng trong việc cải tiến sư phạm ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Trong bối cảnh đó, đề tài này tập trung nghiên cứu một vấn đề cụ thể, mang tính ứng dụng trong giảng dạy ngoại ngữ, đó là các nguyên tắc đối với loại hình ngôn bản khi áp dụng và biên soạn các bài tập chuyển ngữ chức năng tiếng Đức dành cho học sinh THPT chuyên. Các nguyên tắc này dựa trên nền tảng của CEFR năm 2001 và CEFR bản cập nhật năm 2020 đối với chuyển ngữ chức năng, cũng như lí thuyết của Reiß về loại hình ngôn bản. Đề tài sử dụng giáo trình *Netzwerk neu* làm ngữ liệu nhằm nghiên cứu tính chất loại hình ngôn bản của các bài tập chuyển ngữ chức năng tiếng Đức.

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: tupt@flss.edu.vn

2. Vị trí và khái niệm chuyển ngữ chức năng trong Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ (CEFR)

Theo CEFR (2001, tr.13), năng lực ngôn ngữ của người học được phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ khác nhau, bao gồm hoạt động tiếp nhận (*reception*), sản sinh (*production*), tương tác (*interaction*) và chuyển ngữ chức năng (*mediation*). Mỗi quan hệ biện chứng giữa bốn hoạt động ngôn ngữ này được minh họa bằng sơ đồ trong CEFR như sau:



Hình 1. Mối quan hệ giữa tiếp nhận, sản sinh, tương tác và chuyển ngữ chức năng (CEFR, 2020, tr.34)

Trước hết, sơ đồ thể hiện hai hoạt động ngôn ngữ cốt lõi là tiếp nhận và sản sinh, vốn bao gồm bốn kỹ năng ngôn ngữ truyền thống. Hoạt động tiếp nhận bao gồm việc hiểu ngôn ngữ nói (nghe) và ngôn ngữ viết (đọc). Hoạt động sản sinh liên quan đến năng lực giao tiếp bằng văn bản (viết) và bằng lời nói (nói). Tiếp nhận và sản sinh là nền tảng cho hai hoạt động ngôn ngữ tiếp theo: tương tác và chuyển ngữ chức năng. Hoạt động tương tác bao gồm sự luân phiên giữa tiếp nhận (đầu vào) và sản sinh (đầu ra). Chuyển ngữ chức năng đóng vai trò trung gian truyền đạt thông tin, bao gồm cả hoạt động tiếp nhận, sản sinh và trong nhiều trường hợp còn bao hàm cả hoạt động tương tác. Các mũi tên trong sơ đồ minh họa sự gia tăng mức độ phức tạp và mối quan hệ giữa bốn hoạt động ngôn ngữ.

So với ba khái niệm hoạt động ngôn ngữ khác vốn đã rất quen thuộc trong lĩnh vực giáo dục ngoại ngữ, khái niệm *mediation* trong CEFR đã tạo ra nhiều tranh luận trong giới nghiên cứu. Trong ngôn ngữ thường nhật, khái niệm *mediation* thường khiến người ta liên tưởng tới ‘sự hòa giải’. Về cơ bản, nghĩa tố ‘người trung gian’ (theo ý nghĩa là ‘không nằm ở bên nào’) trong nghĩa biểu hiện của từ này có điểm chung với việc sử dụng khái niệm *mediation* trong CEFR. *Mediation* được CEFR (2001, tr.87) định nghĩa là: “Hoạt động chuyển ngữ chức năng không yêu cầu người sử dụng ngôn ngữ diễn đạt được ý định của riêng mình, mà là đóng vai trò trung gian giữa những người tham thoại không thể trực tiếp hiểu nhau, thường (nhưng không phải là trường hợp duy nhất) do họ sử dụng những ngôn ngữ khác nhau. Ví dụ cho các hoạt động chuyển ngữ chức năng bao gồm phiên dịch, biên dịch, cũng như tóm tắt và diễn giải các ngôn bản bằng cùng một ngôn ngữ khi người tiếp nhận không hiểu được ngôn bản gốc.”.

Có thể nhanh chóng tìm thấy hàng loạt ví dụ về hoạt động chuyển ngữ chức năng trong cuộc sống thường nhật: Người thực hiện chuyển ngữ chức năng (*mediator*) có thể là người giúp đỡ khách du lịch nước ngoài tại nước mình hoặc giúp đồng hương của mình tại nước ngoài hiểu được biển chỉ dẫn, thao tác sử dụng thiết bị, hướng dẫn sử dụng sản phẩm; có thể đóng vai trò là bên thứ ba để giúp hai người thuộc các cộng đồng ngôn ngữ khác nhau có thể hiểu được nhau khi giao dịch mua bán; có thể là người tóm tắt lại nội dung hội thảo khoa học cho đồng nghiệp; hoặc có thể giải thích một cách đơn giản nội dung một bản tin thời sự cho thiếu niên nhỏ tuổi.

Định nghĩa chuyển ngữ chức năng (*mediation*) trong CEFR có những điểm rất tương đồng với dịch thuật (*translation*), thậm chí còn chứa các thuật ngữ quen thuộc của dịch thuật như phiên dịch và biên dịch (*spoken interpretation and written translation*), các ví dụ đưa ra để minh họa cho chuyển ngữ chức năng rất tương đồng với khái niệm dịch nội ngữ (*intra lingual translation*) và dịch liên ngữ (*interlingual translation*) của Jakobson (1959/2000, dẫn theo Munday, 2009, tr.20). Vì vậy, trong nhiều năm, việc đối chiếu chuyển ngữ chức năng và dịch thuật đã trở thành đề tài nghiên cứu của nhiều nhà khoa học trong lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ. Trên thế giới, có thể kể đến những nghiên cứu

tiêu biểu của nhà khoa học người Đức Reimann với bài viết *Language mediation is more than translation* (2018), Carmen Valero-Garcés người Tây Ban Nha với bài báo *Mediation as translation or translation as mediation* (2018), Escubairó đến từ Công quốc Catalonia với bài báo *Translation and language mediation - Processes and actions to solve various language problems in all fields* (2020), v.v. Ở trong nước, việc đối chiếu và làm rõ những tương đồng và khác biệt giữa chuyển ngữ chức năng và dịch thuật cũng đã được Lê Hoài Ân (2002, 2023) và Phạm Thị Thanh Tú (2024) thực hiện và công bố trong một số bài báo và kỉ yếu hội thảo.

Về bản chất, chuyển ngữ chức năng và dịch thuật có mối quan hệ gần gũi nhưng không hoàn toàn đồng nhất. Việc phân biệt dịch thuật chuyên nghiệp và chuyển ngữ chức năng trong giảng dạy ngoại ngữ có thể dựa trên hai khía cạnh: 1) Vai trò của người dịch và người thực hiện chuyển ngữ chức năng: Người dịch có vai trò ở hậu trường, phải chuyển mã sao cho chính xác, không can thiệp vào nội dung và phong cách ngôn bản. Ngược lại, người thực hiện chuyển ngữ chức năng tham gia tích cực trong quá trình giao tiếp, phải chuyển mã sao cho tương xứng về ý nghĩa, có thể tự quyết định thông tin nào là quan trọng và cần được truyền đạt theo đánh giá của cá nhân; 2) Loại hình ngôn bản: Hoạt động dịch thuật không giới hạn ở bất kì loại hình ngôn bản nào, trong khi hoạt động chuyển ngữ chức năng trong giảng dạy ngoại ngữ thường chỉ tập trung vào các ngôn bản thông tin - với trọng tâm là tóm tắt và diễn đạt lại nội dung ngôn bản. (Phạm Thị Thanh Tú (2024, tr.580).

Trong khuôn khổ bài viết, nghiên cứu này chỉ tập trung vào khía cạnh thứ hai - vấn đề loại hình ngôn bản.

3. Vấn đề loại hình ngôn bản

3.1. Đối với dịch thuật chuyên nghiệp

Trong mọi lĩnh vực chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội, khi nhu cầu giao tiếp, hội nhập, nghiên cứu, quảng bá càng trở nên phong phú, thì các thể loại ngôn bản cần dịch thuật càng trở nên đa dạng. Khó có thể liệt kê được hết các thể loại ngôn bản dịch mà con người sử dụng hàng ngày, từ thư tín, hợp đồng, tài liệu quảng cáo, cho đến văn bản pháp lí, công văn hành chính, từ các lời bài hát, truyện ngắn, tiểu thuyết, đến các bài phát biểu, báo cáo khoa học,...

Trong một cuốn sách do Reiß và Vermeer là đồng tác giả, Reiß đã đưa ra một lí thuyết về thể loại ngôn bản (*Textsortentheorie*) và phân chia ba loại hình ngôn bản (*Texttypen*). Lấy xuất phát điểm là mục đích của ngôn bản, Reiß tổng hợp đặc điểm của các thể loại ngôn bản khác nhau và khái quát thành ba loại hình: (1) ngôn bản thông báo (*informativer Texttyp*), (2) ngôn bản biểu cảm (*expressiver Texttyp*) và (3) ngôn bản kêu gọi (*operativer Texttyp* - thuật ngữ này về sau được Reiß điều chỉnh thành *appellativer Texttyp*).

Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu cũng nhấn mạnh những trường hợp ngôn bản mang nhiều mục đích khác nhau. Trường hợp này, Reiß/Vermeer (1991, tr.208) gọi tên là loại hình hỗn hợp (*Mischtyp*) và thường liên quan đến các phương tiện nghe nhìn. Kadrić/Kaindl/Kaiser-Cooke (2010, tr.97) khẳng định: “*Hầu như không có ngôn bản nào chỉ mang một mục đích duy nhất [...], nhưng về cơ bản, người ta luôn xác định được mục đích chính của ngôn bản hoặc một phần của ngôn bản. Chức năng giao tiếp của ngôn bản đích quyết định phương pháp dịch.*”.

Reiß (1993, dẫn theo Lê Hoài Ân, 2022, tr.115) phân biệt hệ thống 4 loại hình văn bản với các chức năng, đặc điểm, tiêu chí tương đương và phương pháp dịch khác nhau và tổng hợp trong bảng sau đây:

Bảng 1. Loại hình, chức năng văn bản và định hướng phương pháp dịch
(Reiß, 1993, dẫn theo Lê Hoài Ân, 2022, tr.115)

Loại hình văn bản	Chức năng văn bản	Đặc điểm	Tiêu chí tương đương	Phương pháp dịch
1. Thông báo	Truyền tin	Định hướng sự tình	Bất biến về nội dung	Dịch nghĩa, dịch ý
2. Biểu cảm	Hiệu ứng thẩm mỹ	Định hướng người phát tin	Tương đồng về phương thức biểu	Sao phỏng ý định nghệ thuật của tác giả

		(tác giả)	đạt	
3. Kêu gọi	Hiệu ứng “kích thích” hành vi	Định hướng hành vi	Giống nhau về hiệu ứng kêu gọi	Nhái lại hoặc phóng tác
4. Hồn hợp, liên quan đến các phương tiện nghe nhìn	Cả 3 chức năng trên	Cả 3 định hướng trên	Cả 3 tiêu chí trên	Phù hợp với kỹ thuật nghe nhìn (kết hợp các phương pháp trên)

[*Ghi chú*: thuật ngữ “*loại hình văn bản*” là theo cách dịch của Lê Hoài Ân (2022, tr.115); trong bài viết này thống nhất sử dụng thuật ngữ “*loại hình ngôn bản*” với tính chất bao hàm cả hình thức nói và viết].

Trong dịch thuật, tương đương chuẩn ngôn bản (*text-normative equivalence*) là yêu cầu khách quan, đòi hỏi ngôn bản đích phải đáp ứng quy chuẩn thể loại, cấu trúc tổ chức nội dung giống ngôn bản nguồn⁵. Ví dụ: một hợp đồng thương mại dịch song ngữ từ tiếng Anh sang tiếng Việt phải đảm bảo hình thức văn bản của một hợp đồng; tác phẩm Truyện Kiều dịch sang tiếng Đức phải giữ được phong cách của thơ, có vần điệu, tính hình ảnh, tình hàm súc... chứ không thể diễn ngôn hay chuyển thể thành văn xuôi hay tự truyện. Do đó, khi khẳng định địa hạt của dịch thuật là cả bốn loại hình ngôn bản (thông báo, biểu cảm, kêu gọi và hồn hợp) thì đồng nghĩa với việc: khi người dịch xác định ngôn bản nguồn thuộc loại hình ngôn bản nào thì ngôn bản đích mà người dịch sản sinh sẽ phải thuộc loại hình ngôn bản đó.

3.2. Đối với chuyển ngữ chức năng trong giảng dạy ngoại ngữ

So sánh với hệ thống bốn loại hình ngôn bản của Reiß trong Bảng 1, thì đối tượng ngôn bản đích của chuyển ngữ chức năng thuộc phạm vi loại hình đầu tiên, đó là ngôn bản thông báo, thiên về chức năng truyền tin. Về vấn đề này, Lê Hoài Ân (2022, tr.114-115) nhấn mạnh: “*Mediation trong giáo dục ngoại ngữ không cần thiết phải quan tâm đến chức năng 'biểu cảm', không cần quan tâm đến 'giọng điệu', 'phong cách rất riêng' của tác giả văn bản nguồn, mà chỉ cần quan tâm đến nội dung thông báo, tức là mediation nhằm mục đích tạo ra được một văn bản 'trọng tin' (informative text).*”.

Khi xem xét dưới góc độ giáo dục ngoại ngữ, điều này không có gì là khó hiểu. Giáo dục ngoại ngữ hướng tới việc đào tạo, rèn luyện người học để có thể sử dụng được những kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ từ trình độ thấp đến trình độ cao. Điều này khác với dịch thuật chuyên nghiệp đòi hỏi người dịch phải sở hữu nhiều năng lực khác nhau, trong đó một trong những điều quan trọng nhất là năng lực ngôn ngữ, đồng nghĩa với việc người dịch cần có khả năng tinh thông cả ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích.

Trong bản cập nhật mới nhất năm 2020, CEFR (2020, tr.90-91) đưa ra bản tóm tắt các yêu cầu cần đạt đối với chuyển ngữ chức năng cho từng trình độ. Theo đó, hoạt động chuyển ngữ chức năng có thể áp dụng trong giảng dạy ngoại ngữ dành cho tất cả trình độ, từ sơ cấp nhất (A1) cho đến trình độ cao nhất (C2), chứ không phải chỉ dành cho đối tượng người học đã thành thạo ngoại ngữ. Ở mỗi trình độ có các yêu cầu đặt ra khác nhau về lượng (từ, ký hiệu, thông báo, văn bản ngắn, văn bản dài...), về mức độ (đơn giản, phức tạp, rõ ràng, trôi chảy...), về tính chất nội dung (quen thuộc, cá nhân, chuyên môn, học thuật...), về phạm vi tham gia (truyền đạt, hỗ trợ, gợi ý, hợp tác...), v.v. của người trung gian ngôn ngữ. Chẳng hạn, theo CEFR (2020, tr.92), một trong những yêu cầu cần đạt của chuyển ngữ chức năng trình độ A2 là: “*Có thể truyền đạt (các) ý chính liên quan trong các cuộc hội thoại ngắn, đơn giản hoặc các văn bản về những chủ đề hàng ngày thuộc vấn đề trực tiếp quan tâm, với điều kiện chúng được diễn đạt rõ ràng bằng ngôn ngữ đơn giản.*”.

Ngoài ra, trong quá trình chuyển ngữ chức năng từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích thường xuất hiện việc chuyển đổi loại hình ngôn bản từ hình thức này sang hình thức khác. Königs (2010, tr.1.041) khẳng định, chuyển ngữ chức năng trong giáo dục ngoại ngữ chính là “*việc chuyển tải nội dung từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích, trong đó hình thức không còn đóng vai trò cốt lõi.*”.

Sở dĩ có sự thay đổi hình thức loại hình ngôn bản như vậy, là vì thông điệp do người chuyển ngữ chức năng chuyển sang ngữ đích thường ở dạng tóm tắt, báo cáo hoặc diễn giải. Khác với người dịch, người thực hiện chuyển ngữ chức năng được linh hoạt và có quyền tự quyết. Theo Escubairó (2020, tr.58-59), người chuyển ngữ chức năng “*lựa chọn những thông điệp mình muốn chuyển tải, những chi tiết thông tin mà mình muốn giao tiếp, có quyền cân nhắc tự quyết điều gì là quan trọng, cần thiết đối với người tham gia giao tiếp. Các thông tin giao tiếp thường ở dạng tóm tắt ý hoặc tổng hợp những chi tiết, thông điệp cần thiết để vượt qua một xung đột giao tiếp cụ thể.*”.

Trong cuốn *Sách lý thuyết và bài tập chuyển ngữ chức năng Ý-Đức*, Katelhön/Curcio (2012) đã giới thiệu một hệ thống bài tập CNCN từ trình độ A1-C1 với những tình huống thực tiễn, mô tả yêu cầu cần đạt, hoạt động ngôn ngữ, loại hình ngôn bản (nguồn > đích), v.v. Ví dụ dưới đây là phần trích trong một bài tập cho trình độ A2 (Katelhön/Curcio, 2012, tr.112-113):

Bài tập CNCN Trong khi bạn đang nghe một bài hát tiếng Đức (bài Einer von zweien của ban nhạc Ich+Ich) thì một bạn nữ người Ý (không biết tiếng Đức) bước vào và hỏi bạn đang nghe gì. Hãy giải thích cho cô ấy bằng tiếng Ý bài hát đó liên quan đến vấn đề gì.

Thể loại ngôn bản Lời bài hát > Báo cáo

Ở ví dụ này có sự chuyển ngữ từ tiếng Đức sang tiếng Ý, ngữ nguồn và ngữ đích đều ở dạng nói, nhưng có sự chuyển đổi loại hình từ ngôn bản biểu cảm (lời bài hát) sang ngôn bản thông báo (báo cáo). Người chuyển ngữ chức năng trong ví dụ này không cần cố gắng tìm cách dịch nguyên văn những ca từ thường mang ý nghĩa ẩn dụ sao cho thật hay, thật “đắt”, mà phải tìm cách tóm lược chủ đề và những ý chính của bài hát và thuật lại bằng tiếng Ý cho người tiếp nhận.

Hiện tượng chuyển đổi loại hình ngôn bản này thường xuyên xuất hiện trong giảng dạy kỹ năng chuyển ngữ chức năng trong giáo dục ngoại ngữ nói riêng, cũng như trong hoạt động chuyển ngữ chức năng thuộc đời sống hàng ngày nói chung. So với dịch thuật, người chuyển ngữ chức năng không bị trói buộc bởi các tiêu chí thuộc về phong cách. Theo như yêu cầu của LISUM (Viện Giáo dục và Công nghệ quốc gia Đức), thì “*chuyển ngữ chức năng linh hoạt hơn so với dịch thuật: Người thực hiện không nhất thiết phải tuân theo cấu trúc câu, giọng điệu hay các biện pháp tu từ được sử dụng trong bản gốc, trừ khi tình huống giao tiếp yêu cầu điều đó*” (LISUM, 2006, dẫn theo Reimann/Rössler, 2013, tr.102).

Việc rèn luyện kỹ năng chuyển ngữ chức năng trong giảng dạy ngoại ngữ giúp người học/ người sử dụng ngoại ngữ làm quen với việc tóm lược ý, biểu đạt ý chính, diễn đạt bằng các phương tiện ngôn ngữ phù hợp để truyền tải đúng nội dung của ngôn bản nguồn và phù hợp với người tiếp nhận, thay vì mất nhiều thời gian để tìm cách thể hiện đúng từng từ, từng ý, từng phong cách văn bản.

Dưới đây là bảng tổng hợp các đặc điểm về loại hình ngôn bản sau khi đối chiếu giữa dịch thuật chuyên nghiệp và chuyển ngữ chức năng trong giảng dạy ngoại ngữ:

Bảng 2. Đối chiếu dịch thuật chuyên nghiệp và chuyển ngữ chức năng trong giảng dạy ngoại ngữ trên bình diện loại hình ngôn bản

LOẠI HÌNH NGÔN BẢN		
Đặc điểm	Dịch thuật chuyên nghiệp	Chuyển ngữ chức năng trong giảng dạy ngoại ngữ
Đối tượng ngôn bản đích	Cả bốn loại hình ngôn bản: thông báo, biểu cảm, kêu gọi, hỗn hợp	Tập trung vào loại hình ngôn bản thông báo
Chức năng ngôn bản đích	Truyền tin, biểu cảm, kêu gọi hoặc cả ba chức năng trên	Truyền tin
Tương đương chuẩn văn bản	Yêu cầu	Không yêu cầu
Tương quan hình thức ngôn bản nguồn và ngôn bản đích	Tương đương hình thức	Thường có sự chuyển đổi từ hình thức này sang hình thức khác

4. Loại hình ngôn bản trong các bài tập chuyển ngữ chức năng giáo trình tiếng Đức *Netzwerk neu*

Là một trong những giáo trình tiếng Đức hiện đại được biên soạn, xây dựng sau khi CEFR ban hành, giáo trình tiếng Đức *Netzwerk neu* gồm 3 tập dành cho các trình độ A1, A2 và B1, đã dành một phần quan trọng cho việc rèn luyện và phát triển năng lực đa ngôn ngữ và chuyển ngữ chức năng ở người học.

Cụ thể, các bài tập chuyển ngữ chức năng bắt đầu được đưa vào giáo trình *Netzwerk neu* từ trình độ A2. Tỷ lệ các bài tập chuyển ngữ chức năng trong bộ giáo trình này có sự nhất quán cao: Trình độ A2 có 20 bài tập, trình độ B1 có 20 bài tập, trong đó mỗi bài học (*Lektion*) có 1 bài tập và mỗi bài ôn tập (*Plattform*) có 2 bài tập nhằm rèn luyện kỹ năng chuyển ngữ chức năng cho người học. Người sử dụng giáo trình này có thể dễ dàng nhận diện các bài tập chuyển ngữ chức năng thông qua ký hiệu



nằm ở đầu mỗi bài tập. Ví dụ:



Hình 2. Hình minh họa một bài tập chuyển ngữ chức năng trong giáo trình tiếng Đức *Netzwerk neu* A2 (sách giáo khoa, 2022, tr.41)

Khi nghiên cứu giáo trình *Netzwerk neu*, thao tác thống kê được sử dụng nhằm so sánh loại hình ngôn bản nguồn và loại hình ngôn bản đích trong các bài tập chuyển ngữ chức năng thuộc giáo trình này, với mục đích kiểm định lý thuyết về loại hình ngôn bản đối với chuyển ngữ chức năng trong giảng dạy ngoại ngữ.

Khi phân tích 40 bài tập chuyển ngữ chức năng xuất hiện trong giáo trình *Netzwerk neu* A2 và *Netzwerk neu* B1, có thể nhận thấy có sự khác biệt lớn giữa loại hình ngôn bản nguồn và loại hình ngôn bản đích. Đối với ngôn bản nguồn, loại hình ngôn bản thông báo chiếm số lượng chủ đạo (33/40), các loại hình ngôn bản khác tuy đóng vai trò thiểu số, nhưng vẫn tạo ra sự đa dạng cho các loại hình ngôn bản nguồn, đó là ngôn bản biểu cảm (4/40), ngôn bản kêu gọi (2/40) và ngôn bản hỗn hợp (1/40). Ngược lại, tất cả ngôn bản đích mà các bài tập chuyển ngữ chức năng này hướng đến đều là ngôn bản thông báo (40/40). Mặc dù đây chỉ là kết quả nghiên cứu mang tính đại diện, dựa trên một bộ giáo trình tiếng Đức duy nhất là *Netzwerk neu*, nhưng kết quả này đã khẳng định tính chất “trọng tin” của chuyển ngữ chức năng trong giảng dạy ngoại ngữ, đó là tập trung vào nội dung cần chuyển mã, thiên về truyền đạt thông tin thay vì yêu cầu tương đương hình thức, phong cách như ngôn bản gốc.

Bảng 3. Tỷ lệ loại hình ngôn bản nguồn và loại hình ngôn bản đích trong các bài tập chuyển ngữ chức năng thuộc giáo trình tiếng Đức *Netzwerk neu*

Loại hình ngôn bản	Ngôn bản nguồn	Ngôn bản đích
1. Thông báo	33	40
2. Biểu cảm	4	0
3. Kêu gọi	2	0
4. Hỗn hợp, thường liên quan đến các phương tiện nghe-nhìn	1	0
TỔNG	40	40

Khi tiếp tục phân tích về thể loại ngôn bản của 40 bài tập chuyển ngữ chức năng trong giáo trình tiếng Đức *Netzwerk neu*, nghiên cứu này đã xác định được một tỷ lệ không cân bằng giữa số lượng thể loại ngôn bản nguồn và số lượng thể loại ngôn bản đích, đó là: có 25 thể loại đối với ngôn bản nguồn, nhưng chỉ có 9 thể loại ở ngôn bản đích. Điều này chứng minh rằng, đối với chuyển ngữ chức

năng trong giảng dạy ngoại ngữ, giữa ngôn bản nguồn và ngôn bản đích không yêu cầu tương đương chuẩn ngôn bản và có thể có sự chuyển đổi thể loại từ hình thức này sang hình thức khác. Số liệu cụ thể như sau:

Bảng 4. Tổng hợp các thể loại ngôn bản nguồn và các thể loại ngôn bản đích trong bài tập chuyển ngữ chức năng thuộc giáo trình tiếng Đức *Netzwerk neu*

Ngôn bản nguồn			Ngôn bản đích		
STT	Thể loại	Số lượng	STT	Thể loại	Số lượng
1	Hội thoại	7	1	Báo cáo	18
2	Bài báo	4	2	Tóm tắt	8
3	Bản tin	3	3	Lời giải thích	5
4	Báo cáo	2	4	Thảo luận	3
5	Bài hát	2	5	E-Mail	2
6	Bài thuyết trình	2	6	Lời đề nghị	1
7	Các trang web	2	7	Ghi chú	1
8	Giới thiệu phim (trailer)	1	8	Tin nhắn	1
9	Thư cảm ơn	1	9	Hội thoại	1
10	Truyện kể	1			
11	Truyện ngụ ngôn	1			
12	Bài phỏng vấn	1			
13	Phóng sự	1			
14	Bản tin thời tiết	1			
15	Tin rao vặt	1			
16	Quảng cáo radio	1			
17	Quảng cáo	1			
18	Biểu đồ	1			
19	Các khái niệm	1			
20	Thông báo tại bến tàu	1			
21	Blog	1			
22	E-Mail	1			
23	Tin nhắn thoại	1			
24	Báo cáo & các trang web	1			
25	Mục câu hỏi thường gặp	1			

Trong khuôn khổ bài viết, nghiên cứu này không đi sâu phân tích chi tiết toàn bộ 40 bài tập chuyển ngữ chức năng được đưa vào sử dụng trong giáo trình *Netzwerk neu*, mà chỉ tập trung giới thiệu 4 bài tập chuyển ngữ chức năng tiêu biểu, đồng thời phân tích, so sánh loại hình và thể loại ngôn bản nguồn và ngôn bản đích của 4 bài tập này.

(1) Bài 12c, sách giáo khoa *Netzwerk neu B1* (2022, tr.14): *Bạn đứng chờ tàu điện cùng với một người bạn đồng hương ở trạm dừng "Nhà ga chính" và nghe thấy lời thông báo. [âm thanh thông báo bằng tiếng Đức] Hãy tóm tắt lại nội dung thông báo cho người bạn ấy bằng ngôn ngữ của bạn.*

Trong bài tập này, ngôn bản nguồn là thông báo ở bến tàu, được phát qua loa công cộng, đối tượng hướng tới là nhiều người, nhằm mục đích cung cấp thông tin cho hành khách về lịch trình thay đổi, bao gồm lí do, cách thức chuyển tuyến, địa điểm thay đổi sân ga, ngôn ngữ mang tính lịch sự, có sự thưa gửi trang trọng, nội dung thông báo được lặp lại hai lần. Ngôn bản nguồn thuộc loại hình thông báo. Ngôn bản đích cũng thuộc loại hình thông báo, nhưng đối tượng hướng đến là cá nhân cùng quê nhà, nội dung là các ý chính trong thông báo dưới dạng tóm tắt. Như vậy, trong bài tập này dù ngôn bản nguồn và ngôn bản đích cùng thuộc loại hình ngôn bản thông báo, nhưng hình thức đã có sự khác biệt. Ngôn bản đích không yêu cầu hình thức trang trọng, nội dung không yêu cầu chi tiết

từng từ, mà chỉ cần tóm lược ý chính, giúp người tiếp nhận hiểu được nội dung thông báo muốn truyền tải.

(2) Bài 9e, sách giáo khoa *Netzwerk neu B1* (2022, tr.71): *Hãy kể cho một người bạn trong nước về bài hát Kaum erwarten. Bài hát này nói về điều gì? Hãy mô tả phong cách của bài hát (giai điệu, nhịp điệu, giọng hát). Bạn cảm thấy thế nào về bài hát này?*

Ngôn bản nguồn ở bài tập này thuộc loại hình biểu cảm, cụ thể là lời bài hát *Kaum erwarten* (tạm gọi tên là *Không thể chờ đợi*). Lời bài hát có những hình ảnh ẩn dụ, những đoạn điệp khúc được lặp đi lặp lại, những từ ngữ có vần điệu, có láy, có điệp. Tuy nhiên, ngôn bản đích trong bài tập chuyển ngữ chức năng không yêu cầu sát nghĩa, chuyển tải được hình ảnh ẩn dụ, khớp được nhịp điệu, giai điệu, bảo đảm được cảm xúc của lời bài hát gốc. Ngôn bản đích thuộc loại hình thông báo, thể loại báo cáo, với mục đích cung cấp các thông tin chung về bài hát (nội dung chính, giai điệu, nhịp điệu, giọng hát) và cảm nhận cá nhân.

(3) Bài 6, phần A, sách giáo khoa *Netzwerk neu A2* (2022, tr.149): *Bạn hãy nghe thông tin về hai sự kiện âm nhạc trên radio. [âm thanh tin quảng cáo bằng tiếng Đức] Bạn muốn cùng một người bạn đồng hương tới đó. Hãy viết cho người đó một email bằng tiếng mẹ đẻ, trong đó nêu những thông tin quan trọng nhất.*

Trong bài tập này, ngôn bản nguồn thuộc loại hình kêu gọi, thể loại tin quảng cáo trên radio. Ngoài việc cung cấp các thông tin thực tế về sự kiện (thời gian, địa điểm, giá vé), thì chức năng chính của ngôn bản nguồn là tạo hiệu ứng truyền thông, thu hút khán giả tới tham dự. Ngữ điệu của tin quảng cáo radio trong ngôn bản nguồn tương đối nhanh, giọng điệu hứng khởi, có các yếu tố khuyến khích hành động, chẳng hạn như câu hỏi tu từ (*Mögt ihr Gute-Laune-Musik?/ Bạn có thích âm nhạc khiến tâm trạng vui vẻ không?*) hoặc câu cầu khiến (*Es gibt nur noch wenige Tickets für 50 Euro, also entscheidet euch schnell./ Chỉ còn rất ít vé với giá 50 Euro thôi, các bạn hãy quyết định nhanh lên.*). Ngôn bản đích thuộc loại hình thông tin, thể loại thư điện tử, với mục đích rủ bạn cùng tham dự, chỉ tóm lược rõ ràng những thông tin quan trọng nhất về sự kiện âm nhạc.

(4) Bài 13f, sách giáo khoa *Netzwerk neu A2* (2022, tr. 35): *Bạn muốn cùng một người bạn xem bộ phim được nhắc đến trong mục 13e. [trailer phim tiếng Đức] Hãy mô tả ngắn gọn bộ phim đó bằng tiếng mẹ đẻ.*

Trong bài tập này, ngôn bản nguồn thuộc loại hình hỗn hợp, cụ thể là một bản giới thiệu phim (trailer). Thể loại này được sử dụng để quảng bá phim, do đó, ngoài việc giới thiệu một cách tổng quát về bộ phim như tóm tắt nội dung, giới thiệu diễn viên, thông tin phát hành phim (chức năng thông báo), trailer thường lựa chọn những hình ảnh, lời thoại, âm nhạc nổi bật và gây ấn tượng (chức năng biểu cảm, thẩm mỹ), nhằm thuyết phục khán giả quan tâm và theo dõi bộ phim (chức năng kêu gọi, kích thích hành vi). Ở bài tập chuyển ngữ chức năng này, ngôn bản đích yêu cầu thuộc loại hình thông báo, chỉ ở dạng tóm tắt ngắn gọn, súc tích, giúp người tiếp nhận nhanh chóng nắm được chủ đề, nội dung chính (nhân vật chính, diễn biến chính) của bộ phim.

Như vậy, việc nghiên cứu loại hình ngôn bản nguồn và loại hình ngôn bản đích của các bài tập chuyển ngữ chức năng trong giáo trình tiếng Đức *Netzwerk neu* cho thấy tính linh hoạt về vấn đề loại hình ngôn bản trong chuyển ngữ chức năng. Đối với chuyển ngữ chức năng trong giảng dạy ngoại ngữ, người thực hiện không bị gò ép bởi tương đương chuẩn ngôn bản, do đó ngôn bản nguồn có thể thuộc các loại hình khác nhau (thông báo, biểu cảm, kêu gọi, hỗn hợp), còn ngôn bản đích tập trung vào vấn đề nội dung, thay vì phong cách và thuộc loại hình ngôn bản thông báo. Đồng thời, hình thức của ngôn bản nguồn và ngôn bản đích có thể có sự chuyển loại, yêu cầu chủ đạo là tóm lược ý, tóm tắt nội dung chính của ngôn bản nguồn. Đây là những nguyên tắc quan trọng khi biên soạn, áp dụng, triển khai các bài tập chuyển ngữ chức năng trong giảng dạy tiếng Đức nói riêng và giảng dạy ngoại ngữ nói chung.

5. Kết luận

Năm 2001, Hội đồng châu Âu đã ban hành Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ (CEFR), trong đó có khuyến nghị đưa chuyển ngữ chức năng - *mediation* (bên cạnh ba hoạt động giao tiếp khác, đó là tiếp nhận - *reception*, sản sinh - *production*, tương tác - *interaction*) vào triển khai dạy và học các ngôn ngữ ở châu Âu. Chuyển ngữ chức năng trong giảng dạy ngoại ngữ và dịch thuật chuyên nghiệp tuy có quan hệ rất gần gũi nhưng có sự khác biệt ở một số đặc điểm, trong đó có vấn đề về loại hình ngôn bản. Theo lý thuyết về thể loại ngôn bản trong dịch thuật của Reiß, có bốn loại hình ngôn bản là thông báo, biểu cảm, kêu gọi và hỗn hợp. So với dịch thuật, ngôn bản đích của chuyển ngữ chức năng trong giảng dạy ngoại ngữ tập trung vào các ngôn bản thông báo với chức năng chủ yếu là truyền tin. Trong khi tương đương chuẩn ngôn bản là một trong những yêu cầu then chốt của dịch thuật, thì ở chuyển ngữ chức năng lại thường xuất hiện hiện tượng chuyển loại giữa ngôn bản nguồn và ngôn bản đích. Nghiên cứu giáo trình tiếng Đức *Netzwerk neu* cho thấy: Các bài tập chuyển ngữ chức năng trong giáo trình này có đa dạng cả 4 loại hình ngôn bản nguồn, nhưng tất cả ngôn bản đích đều thuộc loại hình ngôn bản thông báo. Đồng thời, ở các bài tập này thường có sự khác biệt, chênh lệch về thể loại ngôn bản nguồn và ngôn bản đích. Kỹ năng yêu cầu đối với người học chủ yếu là diễn đạt ý chính và tóm lược ý từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác sao cho phù hợp về tình huống, ý nghĩa và người tiếp nhận.

**Nghiên cứu này được cấp kinh phí bởi Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội trong khuôn khổ Nhiệm vụ KH&CN cấp Trường mã số N.24.13./This research is funded by VNU-University of Languages and International Studies (VNU-ULIS) in the project No. N.24.13.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT/BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Nội dung dạy học môn Tiếng Đức dành cho lớp chuyên*. (Ban hành kèm theo Công văn số 4171/BGDĐT/GDTrH ngày 26 tháng 08 năm 2022 của Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
3. Lê Hoài Ân (2022), Vai trò kỹ năng “chuyển ngữ chức năng-tình huống” (mediation) trong giáo dục ngoại ngữ và hướng phát triển các hoạt động “chuyên ngữ viết” trong giờ học tiếng Đức tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. *Kỷ yếu Hội thảo Ngữ học toàn quốc 2022*. 110-122.
4. Munday, J. (2009), *Nhập môn nghiên cứu dịch thuật. Lý thuyết và ứng dụng*. Hà Nội: XNB Tri thức.

Tiếng nước ngoài

5. CEFR (2001), *Common European Framework of Reference for Languages : Learning, Teaching, Assessment*. Truy xuất từ <https://www.coe.int/en/web/common-european-framework-reference-languages>.
6. CEFR (2020), *Common European Framework of Reference for Languages : Learning, Teaching, Assessment. Companion volume*. Truy xuất từ <https://rm.coe.int/common-european-framework-of-reference-for-languages-learning-teaching/16809ea0d4>.
7. Dengler, S./ Rusch, P./ Schmitz, H./ Sieber, T. (2022), *Netzwerk neu A2. Kursbuch*. Stuttgart: Klett.
8. Dengler, S./ Rusch, P./ Schmitz, H./ Sieber, T. (2022), *Netzwerk neu B1. Kursbuch*. Stuttgart: Klett.
9. Escubairó, J.M.M. (2020), Translation and language mediation. Processes and actions to solve various language problems in all fields. *Linguapax Review* 8. 53-65.

10. Kadrić, M./ Kaindl, K. /Kaiser-Cooke, M. (2010), *Translatorische Methodik*. 4., überarbeitete Auflage. Wien: Facultas Verlags- und Buchhandels AG.
11. Katelhön, P./ Curcio, M. N. (2012), *Hand- und Übungsbuch zur Sprachmittlung Italienisch - Deutsch*. Berlin: Frank & Timme GmbH.
12. Königs, F. G. (2010), Übersetzen und Sprachmitteln im Deutsch als Fremdsprache-Unterricht. *Deutsch als Fremd- und Zweitsprache. 1. Halbband*, 35/1. 1040-1047.
13. Phạm, T. T. T. (2024), Sprachmittlung in Deutschland und Vietnam: Anregung für die Sprachmittlung im schulischen DaF-Unterricht in Vietnam. *Tagungsband 7. Internationale Deutschlehrertagung. DaF und Germanistik in Süd(ost)asien: Tradition und Innovation*. 580-599.
14. Reimann, D./ Rössler, A. (2013), *Sprachmittlung im Fremdsprachenunterricht*. Tübingen: Narr Verlag.
15. Reiß, K./ Vermeer, H. J. (1991), *Grundlegung einer allgemeinen Translationstheorie*. 2. Auflage. Tübingen: Max Niemeyer Verlag.

Text typology principles in designing language mediation tasks in German

Abstract: Mediation constitutes one of the four communicative language activities outlined in the Common European Framework of Reference for Languages (CEFR), as issued by the Council of Europe in 2001. In Vietnam, the concept of mediation first appeared in a document titled German Language Teaching Content for Specialized Classes issued by the Ministry of Education and Training in 2022. Mediation is a relatively new topic that can be exploited for the goal of improving foreign language pedagogy in Vietnam in the era of globalization. Based on the principles of foreign language teaching outlined in the CEFR, Reiss's Text Typology Theory, and corpus analysis of current German textbooks, this study proposes a set of key principles concerning text typology in the design of language mediation tasks in German.

Key words: CEFR; foreign language pedagogy; mediation; text typology.